

Mỏ Cày Nam, ngày 15 tháng 01 năm 2018

Số: 12/2018/QĐST – HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 361/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Bé H**, sinh năm 1978

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn N**, sinh năm 1981

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bé H và anh Phạm Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung:

+ Phạm Thị Như Y, sinh ngày 20/7/1999, đã thành niên, chị H và anh N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Phạm Thị Như Y2, sinh ngày 15/7/2006, giao cho chị H trực tiếp nuôi con chung, ghi nhận anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, bắt đầu thực hiện từ tháng 01 năm 2018.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị H và anh N không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: chị H và anh N trình bày không có, không giải quyết.

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng do chị Trần Thị Bé H tự nguyện chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013064 ngày 07/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam.

Hoàn trả cho chị Trần Thị Bé H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai trên.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng do anh N tự nguyện chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- CCTHADS huyện Mô Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân